

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hương

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Tiểu My - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **T** – sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú: số X, đường B, khóm C, phường D, thành phố B. Chỗ ở hiện nay: số A, đường B, khóm C, phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. “vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* anh **Th** – sinh năm 1984. Địa chỉ: số A, đường B, khóm C, phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Th tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 205/2011, quyển số 02 ngày 14/11/2011. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng hơn 01 năm nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi, vợ chồng đã sống ly hôn từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị xác định

vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không có biện pháp hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh Th có 02 người con chung tên Y, sinh ngày 01/3/2010 và H, sinh ngày 04/8/2013, hiện nay cháu Y và cháu H đang sống chung cùng anh Th. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Y và cháu H cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Th trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị T về vấn đề hôn nhân. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình, không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Nay anh nhận thấy còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: quá trình chung sống anh và chị T có 02 người con chung tên Y, sinh ngày 01/3/2010 và H, sinh ngày 04/8/2013, hiện nay cháu Y và cháu H đang sống chung cùng anh. Trường hợp ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, chị T và anh Th chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn, không sống chung trong một thời gian dài, không thể hàn gắn nên việc chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: Giao cháu Y, sinh ngày 01/3/2010 và H, sinh ngày 04/8/2013 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị T yêu cầu ly hôn với anh Th, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Th cư trú tại số A, đường B, khóm C,

phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nH dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị T.

Bị đơn anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Th.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nH:

Chị T và anh Th tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nH dân phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 205/2011, quyển số 02 ngày 14/11/2011 nên quan hệ hôn nH là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nH được xây dựng trên mối quan hệ tình cảm vợ chồng và các thành viên trong gia đình. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, theo chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cãi, vợ chồng đã sống ly tH từ đầu năm 2018 đến nay. Đối với anh Th, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh Th đến Tòa án tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Th không có mặt, điều này chứng tỏ anh Th không có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 10/7/2019, đại diện chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị T và anh Th sinh sống xác nhận từ đầu năm 2018, vợ chồng chị T và anh Th bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, sau đó chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ đầu năm 2018 cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Th đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nH không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nH và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: chị T và anh Th thống nhất xác định quá trình chung sống anh và chị có 02 người con chung tên Y, sinh ngày 01/3/2010 và H, sinh ngày 04/8/2013, hiện nay cháu Y và cháu H đang sống chung cùng anh Th. Trường hợp ly hôn chị T và anh Th thống nhất giao cháu Y và cháu H cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T và anh Th về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phù hợp theo quy định pháp luật, đồng thời tại biên bản lấy lời khai của cháu Y thể hiện cháu có nguyện vọng muốn sống chung với anh Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh Th, giao cháu Y và cháu H cho anh Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi

con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: chị T và anh Th xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: chị T và anh Th xác định anh chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: chị T yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nH và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T.

1. Về hôn nH: Cho chị T ly hôn với anh Th.

2. Về con chung: Giao cháu Y, sinh ngày 01/3/2010 và cháu H, sinh ngày 04/8/2013 cho anh Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, (hiện cháu Y và cháu H đang sống chung cùng anh Th). Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000623 ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Phùng Văn Định